

Số: 01/KH-THCSTT

Tân Thành, ngày 03 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH

Tổ chức kiểm tra đánh giá học kỳ I năm học 2021-2022

Căn cứ Kế hoạch số 983/GDĐT-THCS ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Lai Vung về việc kiểm tra, đánh giá cuối kỳ và sơ kết học kỳ I (HKI) năm học 2021-2022;

Căn cứ Kế hoạch số 136/KH-THCSTT ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Trường THCS Tân Thành về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 - 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 137/KH-THCSTT ngày 11 tháng 9 năm 2021 của Trường THCS Tân Thành về kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2021-2022;

Trường Trung học cơ sở Tân Thành xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra đánh giá HKI năm học 2021 - 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường, các tổ chuyên môn và của giáo viên bộ môn tại thời điểm HKI năm học 2021-2022.

- Giúp học sinh hiểu rõ mục tiêu cụ thể của việc học tập; phát huy điểm mạnh, tính tích cực, tính sáng tạo và khắc phục những điểm yếu trong quá trình học tập.

- Giúp giáo viên có cơ sở thực tế để tự hoàn thiện hoạt động dạy, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học; giám sát quá trình học tập của học sinh.

- Thông qua kết quả kiểm tra giúp nhà trường rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, quản lý chuyên môn và công tác giảng dạy của từng giáo viên bộ môn.

2. Yêu cầu

- Đề kiểm tra phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, chặt chẽ, thể hiện đúng mức độ yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được xác định trong

chương trình. Đánh giá học sinh phải đảm bảo tính khách quan, công bằng và đúng quy định.

- Việc tổ chức kiểm tra phải thực hiện đúng theo kế hoạch của trường và hướng dẫn của Phòng.

II. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Về số liệu

- Tổng số học sinh: 1230 học sinh. Cụ thể: Khối 6: 277 học sinh; Khối 7: 332 học sinh; Khối 8: 324 học sinh; Khối 9: 297 học sinh.

- Tổng số phòng kiểm tra: 30 phòng (theo đơn vị lớp học).

2. Các Ban phục vụ kỳ kiểm tra

Hiệu trưởng quyết định thành lập Ban ra đề, Ban sao in, Ban coi kiểm tra, Ban chấm bài kiểm tra theo quy định.

III. CÔNG TÁC RA ĐỀ VÀ SỬ DỤNG PHẦN MỀM KIỂM TRA

1. Đề kiểm tra

1.1. Trách nhiệm ra đề: Trường ra đề tất cả các môn.

1.2. Hình thức, thời lượng, mức độ, phạm vi đề kiểm tra

a) Hình thức, thời lượng

- Đối với Khối 6

| TT | Môn/hoạt động | Thời lượng | Hình thức | Ghi chú |
|----|--------------------------|------------|-------------|-----------------|
| 1 | Ngữ văn | 90 | Tự luận | Tập trung |
| 2 | Toán | 60 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 3 | Tiếng Anh | 60 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 4 | Lịch sử và Địa lý | 60 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 5 | Khoa học tự nhiên | 60 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 6 | GDCD | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 7 | Công nghệ | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 8 | Tin học | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 9 | Giáo dục thể chất | 45 | Thực hành | GVBМ thực hiện |
| 10 | Nghệ thuật | 45 | Thực hành | GVBМ thực hiện |
| 11 | Trải nghiệm-Hướng nghiệp | 45 | Thực hành | GVCN6 thực hiện |
| 12 | Giáo dục địa phương | | | Chưa thực hiện |

- Đối với các khối còn lại

| TT | Môn/hoạt động | Thời lượng | Hình thức | Ghi chú |
|----|--------------------|------------|-------------|-----------|
| 1 | Ngữ văn | 90 | Tự luận | Tập trung |
| 2 | Toán | 90 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 3 | Tiếng Anh | 60 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 4 | Hóa học (Khối 8,9) | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 5 | Vật lý | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 6 | Sinh học | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |

| | | | | |
|----|-----------|----|-------------|----------------|
| 7 | Lịch sử | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 8 | Địa lý | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 9 | GDCD | 45 | Trắc nghiệm | Tập trung |
| 10 | Công nghệ | 45 | Trắc nghiệm | GVBM thực hiện |
| 11 | Tin học | 45 | Trắc nghiệm | GVBM thực hiện |
| 12 | Thể dục | 45 | Thực hành | GVBM thực hiện |
| 13 | Âm nhạc | 45 | Thực hành | GVBM thực hiện |
| 14 | Mỹ thuật | 45 | Thực hành | GVBM thực hiện |

b) Mức độ

Đề kiểm tra đảm bảo mức độ yêu cầu cần đạt¹: Nhận biết (30%); Thông hiểu (40%); Vận dụng (20%); Vận dụng cao (10%).

Đề kiểm tra có ít nhất 20% điểm số là nội dung vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

c) Phạm vi đề kiểm tra

Phạm vi ra đề tính đến tuần trước liền kề tuần tổ chức kiểm tra. Không ra đề các nội dung hướng dẫn học sinh *tự đọc, tự học, tự làm, tự thực hiện, không yêu cầu; những nội dung yêu cầu học sinh thực hành, thí nghiệm.*

d) Lưu ý:

- Đối với đề tự luận hoặc trắc nghiệm: Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, bảng đặc tả, bộ câu hỏi đề xuất và hướng dẫn chấm.
- Đối với đề kiểm tra theo hình thức thực hành: Cần phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học.

2. Phần mềm hỗ trợ: Tất cả các môn được thực hiện trên classroom.

IV. TỔ CHỨC COI VÀ CHẤM KIỂM TRA

1. Lịch kiểm tra

- Đối với môn do GVBM tự kiểm tra: Giao GVBM chủ động kiểm tra theo thời khóa biểu chính khóa. Hoàn thành chậm nhất ngày 15/01/2022.
- Đối với các môn kiểm tra theo lịch tập trung: *Xem phụ lục đính kèm.*
- Đối với hoạt động Trải nghiệm-Hướng nghiệp lớp 6: Giao GVCN khối 6 chủ động kiểm tra theo thời khóa biểu chính khóa. Hoàn thành chậm nhất ngày 15/01/2022.

¹ Mức độ yêu cầu của các câu hỏi trong đề kiểm tra như sau: **Nhận biết** (Các câu hỏi yêu cầu học sinh nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục); **Thông hiểu** (Các câu hỏi yêu cầu học sinh giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã học theo các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục); **Vận dụng** (Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống gắn với nội dung các bài học hoặc chủ đề trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục); **Vận dụng cao** (Các câu hỏi yêu cầu học sinh vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề đặt ra trong các tình huống mới, phù hợp với mức độ cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục).

2. Chấm kiểm tra

Giáo viên bộ môn chấm điểm bài kiểm tra kết hợp với nhận xét theo hướng dẫn chấm; ghi điểm vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh; cập nhật điểm lên phần mềm Vnedu. Thời gian hoàn thành chậm nhất ngày 22/01/2022.

3. Kiểm tra bù

Học sinh vắng kiểm tra nếu có lí do bất khả kháng được kiểm tra bù. Hình thức, nội dung, mức độ, yêu cầu cần đạt của đề kiểm tra bù tương đương với đề kiểm tra chính thức. Giao GVBM phối hợp GVCN thực hiện việc kiểm tra bù cho học sinh đảm bảo đúng quy định và hoàn thành chậm nhất ngày 24/01/2022.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với lãnh đạo trường

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá HKI, lịch kiểm tra và triển khai thực hiện.

- Thành lập các Ban phục vụ kỳ kiểm tra; chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các Ban.

- Tổ chức đánh giá, xếp loại học lực (kết quả học tập), hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) HKI của học sinh.

- Tổng kết, rút kinh nghiệm công tác kiểm tra HKI.

2. Đối với tổ chuyên môn

- Tổ trưởng chuyên môn kiểm tra việc thực hiện chương trình, nội dung giảng dạy, số lần điểm theo quy định của giáo viên trong tổ; chỉ đạo GVBM hoàn thành chương trình giảng dạy theo PPCT được duyệt, hoàn chỉnh điểm số trước khi kiểm tra.

- Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch ôn tập HKI; phân công giáo viên biên soạn nội dung, tài liệu ôn tập nhằm hệ thống, củng cố lại kiến thức cho học sinh.

- Tổ trưởng phân công giáo viên biên soạn ma trận đề kiểm tra và bộ câu hỏi đề xuất. Tổ trưởng tổng hợp ma trận, bảng đặc tả, bộ câu hỏi đề xuất và hướng dẫn chấm theo từng môn và nộp cho Ban ra đề trước ngày 08/01/2022.

- Tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm sau kiểm tra, từ đó điều chỉnh phương pháp, hình thức dạy học phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Đối với giáo viên bộ môn

- Rà soát chương trình, nội dung giảng dạy, số lần điểm... đảm bảo hoàn thành chậm nhất ngày 15/01/2022.

- Tham gia xây dựng tài liệu ôn tập, ma trận định hướng, câu hỏi đề xuất theo phân công của tổ chuyên môn.

- Chủ động việc dạy bù (nếu có), ôn tập, củng cố kiến thức cho học sinh.
- Phối hợp với GVCN tổ chức kiểm tra bù cho học sinh theo quy định tại mục 3, phần IV.

- Trên cơ sở kết quả kiểm tra đánh giá giữa HKI cần chủ động nghiên cứu, rút kinh nghiệm công tác giảng dạy, điều chỉnh phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá phù hợp với năng lực của học sinh.

4. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Triển khai đầy đủ kế hoạch, lịch kiểm tra, nội dung ôn tập đến học sinh lớp chủ nhiệm.

- Theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở và hướng dẫn học sinh ôn tập theo kế hoạch của tổ chuyên môn và giáo viên bộ môn.

- Hướng dẫn học sinh cách thức đăng nhập, làm bài, nộp bài kiểm tra trên hệ thống lớp học trực tuyến.

- Đảm bảo số lượng học sinh của lớp chủ nhiệm vắng kiểm tra (theo từng môn) để kịp thời tham mưu lãnh đạo trường giải quyết.

- Phối hợp với GVBM tổ chức kiểm tra bù cho học sinh theo quy định tại mục 3, phần IV.

- Tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm (kết quả rèn luyện) HKI của học sinh.

Trên đây là kế hoạch tổ chức kiểm tra đánh giá HKI năm học 2021-2022 của Trường THCS Tân Thành, đề nghị các bộ phận, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần báo cáo kịp thời về lãnh đạo trường để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (báo cáo);
- Đoàn thể, các Tổ (thực hiện);
- Giáo viên, nhân viên (thực hiện);
- Dán thông báo, website (thông báo);
- Lưu: VT, Qui.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Võ Văn Long

LỊCH KIỂM TRA HỌC KỲ I ĐỐI VỚI CÁC MÔN TẬP TRUNG**Năm học 2021-2022***(Kèm theo Kế hoạch số 01/KH-THCSTT ngày 03/01/2022 của trường THCS Tân Thành)*

| Ngày | Buổi | Lớp | Môn | Thời gian làm bài | Giờ giao đề | Tính giờ làm bài | Hết giờ làm bài |
|-------------------------|-------|---------|-----------|-------------------|-------------|------------------|-----------------|
| 17/01/2022 (Thứ Hai) | Sáng | 6 | Ngữ văn | 90 | 07g15 | 07g20 | 08g50 |
| | | 7 | Ngữ văn | 90 | 07g15 | 07g20 | 08g50 |
| | | 8 | Ngữ văn | 90 | 07g15 | 07g20 | 08g50 |
| | | 9 | Ngữ văn | 90 | 07g15 | 07g20 | 08g50 |
| | Chiều | 6 | KHTN | 60 | 14g15 | 14g20 | 15g20 |
| | | 7 | Sinh học | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 8 | Sinh học | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 9 | Sinh học | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| 18/01/2022 (Thứ Ba) | Sáng | 6 | Toán | 60 | 07g15 | 07g20 | 08g20 |
| | | 7 | Toán | 90 | 07g15 | 07g20 | 08g50 |
| | | 8 | Toán | 90 | 07g15 | 07g20 | 08g50 |
| | | 9 | Toán | 90 | 07g15 | 07g20 | 08g50 |
| | Chiều | 6 | GDCD | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 7 | GDCD | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 8 | GDCD | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 9 | GDCD | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| 19/01/2022 (Thứ Tư) | Sáng | 6 | Tiếng Anh | 60 | 07g15 | 07g20 | 08g20 |
| | | 7 | Tiếng Anh | 60 | 07g15 | 07g20 | 08g20 |
| | | 8 | Tiếng Anh | 60 | 07g15 | 07g20 | 08g20 |
| | | 9 | Tiếng Anh | 60 | 07g15 | 07g20 | 08g20 |
| | Chiều | 6 | Công nghệ | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 7 | Địa lý | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 8 | Địa lý | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 9 | Địa lý | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| 20/01/2022 (Thứ Năm) | Sáng | 6 | Lsử & Đlí | 60 | 07g15 | 07g20 | 08g20 |
| | | 7 | Vật lý | 45 | 07g15 | 07g20 | 08g05 |
| | | 8 | Vật lý | 45 | 07g15 | 07g20 | 08g05 |
| | | 9 | Vật lý | 45 | 07g15 | 07g20 | 08g05 |
| | | 8 | Hóa học | 45 | 08g15 | 08g20 | 09g05 |
| | | 9 | Hóa học | 45 | 08g15 | 08g20 | 09g05 |
| | Chiều | 6 | Tin học | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| | | 7 | Lịch sử | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 |
| 8 | | Lịch sử | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 | |
| 9 | | Lịch sử | 45 | 14g15 | 14g20 | 15g05 | |